TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023
V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh
Ông Bùi Văn Hồng
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2023/HNGĐ- ST, ngày 05 tháng 01 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 27/6/2023 và Thông báo về việc mở lại phiên toà số 23/2023/TB-TA ngày 28/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà C đường Đ, tổ dân phố G, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh – có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Khánh T1, sinh 1984; Địa chỉ cuối cùng trước khi xuất cảnh: Số nhà C đường Đ, tổ dân phố G, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang lao động ở nước ngoài - Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, bản tự khai có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T tại phiên tòa :

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Khánh T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2012 tại UBND phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng diễn ra hạnh phúc và đến năm 2018, anh Hoàng Khánh T1 sang nước Pháp làm ăn nhưng vợ chồng vẫn liên lạc với nhau bình thường. Tuy nhiên, sau đó giữa hai người thường xuyên xảy ra cãi vả, không cùng quan điểm sống, không thông cảm và chia sẽ với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả và đến năm 2021 mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay chị T và anh T1 không còn liên lạc gì với nhau nữa, mặt khác thời điểm

khi vợ chồng còn liên lạc với nhau thì anh T1 cũng không cho chị T biết địa chỉ cụ thể của anh ở Pháp nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án. Nay chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Khánh T1 để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh Tuấn P, sinh ngày 19/5/2015. Từ khi anh T1 đi nước ngoài làm ăn thì con chung do chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Khánh T1, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và thực hiện niêm yết văn bản tố tụng cho anh nhưng cho đến nay, Tòa án vẫn không nhận được bất cứ ý kiến gì của anh T1 về việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự; phân tích nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. Về tình cảm: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Khánh T1; về con chung: Giao con chung là Hoàng Khánh Tuấn P, sinh ngày 19/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và anh có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T cũng như người thân của anh Hoàng Khánh T1 cho biết trước khi sang Pháp, anh T1 có địa chỉ cư trú tại số nhà C đường Đ, tổ dân phố G, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, địa chỉ của anh T1 ở nước ngoài như thế nào thì chị T không biết để cung cấp cho Tòa án. Để có căn cứ xem xét thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị Cục Q - Bộ C1 cung cấp thông tin về anh T1. Tại Công văn Xuất nhập cảnh số 27245/QLXNC - P5, ngày 14/12/2022 của Cục Q - Bộ C1 xác nhận anh Hoàng Khánh T1, sinh ngày 04/4/1984 đã xuất cảnh vào ngày 06/01/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Ngoài ra, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Hoàng Khánh T1 thông qua mẹ đẻ của anh là bà Võ Thị Hải C. Quá trình xác minh người thân của anh Hoàng Khánh T1 có cung cấp thông tin anh T1 và chị T là vợ chồng. Trước khi sang Pháp làm ăn, anh T1 có địa chỉ cư trú tại số nhà C đường Đ, tổ dân phố G, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên từ khi đi nước ngoài đến nay anh T1 chưa lần nào về nước

nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình và đã biết việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh. Về địa chỉ cụ thể của anh T1 ở Pháp thì người thân của anh không cung cấp được cho Tòa án. Mặc dù, người thân của anh T1 có cung cấp thông tin như đã nêu nhưng sau đó lại không hợp tác ký xác nhận vào biên bản xác minh

Do đó, căn cứ Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ để giải quyết vắng mặt anh Hoàng Khánh T1 theo quy định.

2. Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Khánh T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2012 tại UBND phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi đi đến hôn nhân hai người được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc và tự nguyện kết hôn nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một gian cho đến năm 2018, anh T1 sang nước ngoài làm ăn và hai người bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống và tiếng nói chung. Từ khi sang nước ngoài đến nay anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc về với người thân nhưng anh cũng không nói địa chỉ cụ thể của anh như thế nào tại Pháp nên bản thân chị T cũng như người thân của anh T1 không biết để cung cấp cho Tòa án. Mặc dù trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai không có biện pháp hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Khánh T1 không đạt được mục đích đó. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đến nay cả hai người không còn liên lạc gì với nhau. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Hoàng Khánh T1 để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh Tuấn P, sinh ngày 19/5/2015. Xét thấy, từ khi anh Hoàng Khánh T1 sang nước ngoài làm ăn thì chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tại phiên tòa, chị T cũng khẳng định chị đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian để chăm sóc con. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như xáo trộn cuộc sống của cháu P nên cần giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên anh Hoàng Khánh T1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Khánh T1

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Khánh Tuấn P, sinh ngày 19/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Hoàng Khánh T1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000451, ngày 05/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường Nam Hồng;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền